

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/HNGĐ - ST

Ngày 14/6/2022.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Công Hiến, ông Nguyễn Văn Tăng.

Thư ký phiên toà: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Cao Thị Thu H, sinh năm 1990, tên gọi khác: không.

Trú tại: thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: anh Lò Văn C, sinh năm 1990, tên gọi khác: không.

Trú tại: thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 02 năm 2022 và bản tự khai, nguyên đơn chị Cao Thị Thu H trình bày: Tôi và anh Lò Văn C được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, được UBND xã G, huyện G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/02/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại thôn H, xã G, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường xuyên chơi bời, không tu

chỉ làm ăn, không quan tâm tới gia đình, vợ con. Tôi có nhiều lần góp ý mong anh C thay đổi nhưng anh C không nghe còn quay ra đánh chửi tôi. Rất nhiều lần như vậy khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm rạn nứt, vợ chồng sống không còn thương yêu, tin tưởng nhau nữa. Tuy vợ chồng sống chung nhà với nhau nhưng không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn C.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung với nhau là cháu Lò Anh V, sinh ngày 26/7/2018. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo, tổng đạt trực tiếp hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh C vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị Cao Thị Thu H được ly hôn với anh Lò Văn C; về con chung đề nghị giao cháu Lò Anh V cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bắt đầu từ tháng 6/2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: chị Cao Thị Thu H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lò Văn C có địa chỉ tại thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ

hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Cao Thị Thu H và anh Lò Văn C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau tại thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo sự trình bày của chị H cũng như qua xác minh ở cơ sở là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bản thân anh C thường xuyên chơi bời cờ bạc, rượu chè, không quan tâm tới gia đình, vợ con khiến mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng. Chị H khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự không thể khắc phục được, chị không còn yêu thương anh C nữa. Bản thân anh C không có mặt tại Tòa án để làm việc, trong khi anh C vẫn đang sinh sống, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều đó chứng tỏ anh C không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Cao Thị Thu H và anh Lò Văn C đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Thu H. Xử cho chị Cao Thị Thu H được ly hôn với anh Lò Văn C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Cao Thị Thu H và anh Lò Văn C có một con chung là cháu Lò Anh V, sinh ngày 26/7/2018. Xét thấy cả anh C và chị H đều là người khỏe mạnh, không vi phạm nghĩa vụ làm cha mẹ nên đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Nhưng xét hiện nay anh C thì không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm, trong khi chị H có công việc ổn định và thu nhập trung bình là 10.000.000 đ (mười triệu đồng)/tháng, đồng thời bản thân cháu V còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu V nên cần giao cháu Lò Anh V cho chị Cao Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C cũng không có đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Chị Cao Thị Thu H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Cao Thị Thu H được ly hôn với anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Anh V, sinh ngày 26/7/2018 cho chị Cao Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục bắt đầu từ tháng 6/2022 cho đến khi Lò Anh V đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Cao Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2021/0004017, ngày 24/02/2022.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

NGUYỄN HỮU QUỐC